

Số: /KH-UBND

Hoàng Hợp, ngày tháng năm 2024

## KẾ HOẠCH

### **Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024**

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là Nghị định 07); Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (gọi tắt là Quyết định 24); Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và mẫu biểu báo cáo (gọi tắt là Thông tư 07); Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội sửa đổi một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH (gọi tắt là Thông tư 02);

Thực hiện Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 5/9/2024 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024;

Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hợp ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 (gọi tắt là Kế hoạch rà soát) với những nội dung sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

Tổ chức rà soát nhằm xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 để đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2024, đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân giúp các cấp chính quyền triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế-xã hội khác năm 2025 và các năm tiếp theo.

##### **2. Yêu cầu**

Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 thực hiện đúng phương pháp, quy trình được quy định tại Quyết định 24,

Thông tư 07 và Thông tư 02 đảm bảo công khai, dân chủ; đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính quyền; sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc và sự tham gia của người dân.

## **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

### **1. Phạm vi**

Thực hiện trên địa bàn toàn xã.

### **2. Đối tượng áp dụng**

Hộ gia đình, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

## **III. NỘI DUNG**

### **1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo**

#### *1.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều*

##### a) Tiêu chí thu nhập

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

##### b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

#### *1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình*

##### a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

##### b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

##### c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

**2. Quy trình, tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống**

## trung bình

Tùy vào tình hình thực tế tổ chức rà soát đảm bảo quy trình, tiến độ, thời gian quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định 24 như sau:

### 2.1. Quy trình rà soát định kỳ

**Bước 1.** Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát (Mẫu số 03).

Ban Chỉ đạo rà soát xã chủ trì, phối hợp với thôn và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát;

- Đối với hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát (Mẫu số 01) và những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo do rà soát viên, trưởng thôn phát hiện lập danh sách đưa vào Mẫu số 02 (Phiếu A) để nhận dạng nhanh hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Trường hợp có dưới 4 tiêu chí thì đưa vào danh sách hộ cần rà soát.

Lưu ý: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, lực lượng rà soát viên, trưởng thôn chủ động phát hiện những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo để hướng dẫn hộ gia đình làm giấy đề nghị đưa vào danh sách các hộ rà soát nhanh theo phiếu A.

**Bước 2.** Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình (Mẫu số 4.1 và Mẫu số 4.2).

Ban Chỉ đạo rà soát xã chủ trì, phối hợp với trưởng thôn và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

**Bước 3.** Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát.

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (*chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo*). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại từ bước 2 theo quy định.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (Mẫu số 05), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát xã).

**Bước 4.** Niêm yết, thông báo công khai.

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 06, mẫu số 07) tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND xã; thông báo qua đài truyền thanh xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

**Bước 5.** Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Chủ tịch UBND xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 08).

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch UBND huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản.

**Bước 6.** Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Chủ tịch UBND xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 19) và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 20).

*2.2. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm*

- Thực hiện theo quy định tại điều 5 Quyết định số 24.

- Thời gian rà soát: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

*2.3. Quy trình xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình*

- Thực hiện theo quy định tại điều 6 Quyết định số 24.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 15 hằng tháng.

### **3. Phương pháp rà soát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo**

*3.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo* (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24): Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1):

+ Ở khu vực nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

+ Ở khu vực thành thị: 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

*3.2. Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo*

- Hộ nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm  $B1 \leq 140$  điểm và điểm  $B2 \geq 30$  điểm.

+ Khu vực thành thị: hộ có điểm  $B1 \leq 175$  điểm và điểm  $B2 \geq 30$  điểm.

- Hộ cận nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm  $B1 \leq 140$  điểm và điểm  $B2 < 30$  điểm.

+ Khu vực thành thị: hộ có điểm  $B1 \leq 175$  điểm và điểm  $B2 < 30$  điểm.

### **4. Phương pháp xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình**

Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

### **5. Hệ thống biểu mẫu, phiếu rà soát**

Hệ thống biểu: Tại phụ lục II kèm theo Kế hoạch này, gồm: Các biểu mẫu quy định tại Quyết định 24, Thông tư 07, Thông tư 02 đã được đánh lại số thứ tự và một số mẫu biểu có bổ sung thêm thông tin nhằm phục vụ công tác tổng hợp và thực hiện chính sách giảm nghèo có liên quan.

## **6. Báo cáo kết quả rà soát định kỳ năm 2024**

### *6.1. Báo cáo sơ bộ*

- Các thôn báo cáo về UBND xã **trước ngày 05/10/2024**. Hồ sơ báo cáo gồm: biểu tổng hợp theo Mẫu số 08.

- Chủ tịch UBND xã báo cáo Chủ tịch UBND huyện (qua Phòng LĐ - TBXH) **trước ngày 10/10/2024**. Hồ sơ báo cáo gồm: Công văn báo cáo và biểu tổng hợp theo Mẫu số 08.

### *6.2. Báo cáo chính thức*

Hồ sơ báo cáo được lập Cụ thể:

Các thôn báo cáo về UBND xã **trước ngày 20/10/2024**.

Hồ sơ báo cáo gồm:

Hồ sơ lưu tại UBND cấp xã gồm: Hệ thống bảng biểu, Giấy đề nghị rà soát, Phiếu rà soát; danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; Các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện tại xã.

## **7. Báo cáo kết quả rà soát thường xuyên năm 2025**

Ngày 05 hằng tháng (từ tháng 02 đến tháng 9), Chủ tịch UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trên địa bàn (nếu có).

## **8. Kinh phí thực hiện**

Căn cứ Kế hoạch được duyệt, UBND xã bố trí kinh phí để thực hiện tốt, đảm bảo chất lượng những nội dung công việc trên.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã**

- Thực hiện nhiệm vụ được giao theo Quyết định kiện toàn ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình xã năm 2024.

- Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo địa bàn được phân công kèm theo Kế hoạch này.

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với Trưởng Ban Chỉ đạo xã.

### **2. Công chức Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Phối hợp các ngành có liên quan triển khai Kế hoạch rà soát; chỉ đạo, tổ chức, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các thôn thực hiện rà soát.

- Tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình cho thành viên Ban chỉ đạo cấp xã.

- Biên soạn tài liệu hướng dẫn phục vụ việc rà soát.

- Kiểm tra, phúc tra, giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các thôn.

- Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo sơ bộ và chính thức.

- Quyết toán kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập

của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 theo chế độ tài chính quy định hiện hành.

### **3. Công chức Tài chính - Kế toán**

Phối hợp với Công chức Lao động - Thương binh và Xã hội bố trí nguồn vốn thực hiện, hướng dẫn sử dụng, thanh quyết toán kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024.

### **4. Công chức Văn hóa-Xã hội, Đài truyền thanh**

Đẩy mạnh tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và phương pháp, quy trình, công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024; tiêu chí và mức chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025 và việc xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

### **5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức đoàn thể**

- Giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên phạm vi toàn xã.

- Tổ chức giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; chỉ đạo các tổ chức thành viên căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tích cực công tác thông tin, tuyên truyền và thực hiện giám sát việc rà soát ở các thôn.

### **7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã**

a) Kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã do Chủ tịch UBND cấp xã làm Trưởng ban; công chức Văn hóa - Xã hội cấp xã làm Phó Trưởng ban; công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, Địa chính - Xây dựng, Tư pháp - Hộ tịch; cán bộ công chức có liên quan và các Trưởng thôn trên địa bàn và cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội được phân công theo dõi tại xã làm thành viên. Mời lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tham gia giám sát. Tùy tình hình thực tế để tổ chức lực lượng rà soát viên trực tiếp làm công tác rà soát, tổng hợp dữ liệu gồm: Trưởng thôn, đại diện một số đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Công an viên,...). Mời đồng chí Bí thư Chi bộ tham gia. Tùy theo số lượng hộ trong thôn và đề xuất của thôn, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định số lượng, thành phần tham gia lực lượng rà soát viên nhằm đảm bảo tiến độ thời gian.

Ban Chỉ đạo xã giúp Chủ tịch UBND xã:

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Tổ chức tập huấn cho lực lượng rà soát viên và những cá nhân có liên quan quy trình, phương pháp và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Chỉ đạo tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện.

b) Ban hành và chỉ đạo triển khai kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã.

c) Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

d) UBND xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

đ) Tổ chức xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình khi nhận được giấy đề nghị của hộ gia đình.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

g) Tuyên truyền, giải thích cho cán bộ và nhân dân ở địa bàn rà soát hiệu được: Mục đích, ý nghĩa và phương pháp, quy trình, công cụ, tiêu chí và mức chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022-2025 và việc xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nếu còn vướng mắc phát sinh, đề nghị ngành đoàn thể, đơn vị, các thôn phản ánh kịp thời về Ban Chỉ đạo xã (qua Bà Lê Thị Phương Công chức LĐ-TBXH) để phối hợp, giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- UBND huyện (b/c)
- Phòng Lao động-TBXH (b/c);
- Thường trực Đ.ủy, HĐND xã (b/c);
- UBMTTQ và các đoàn thể xã (p/h);
- Thành viên BCĐ (t/h);
- 5 thôn (t/h);
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Phụng**





